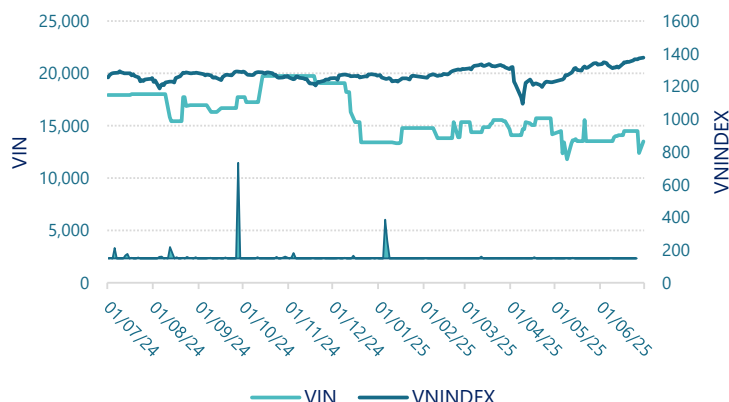


CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (UPCOM: VIN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,753
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,795
SL cổ phiếu LH	25,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,635
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	344
P/E	12.2
EPS	1,102

DT thuần

Q2/25

137

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 65.1 | 90.4%

YoY: ▲ 105 | 333%

LN sau thuế

Q2/25

15.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.1 | 1298%

YoY: ▲ 9.87 | 167%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

11.5%

+/- YoY: ▼ 8.6%

DT thuần

6T 2025

209

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 149 | 247%

LN sau thuế

6T 2025

14.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.10 | -7.3%

ROE

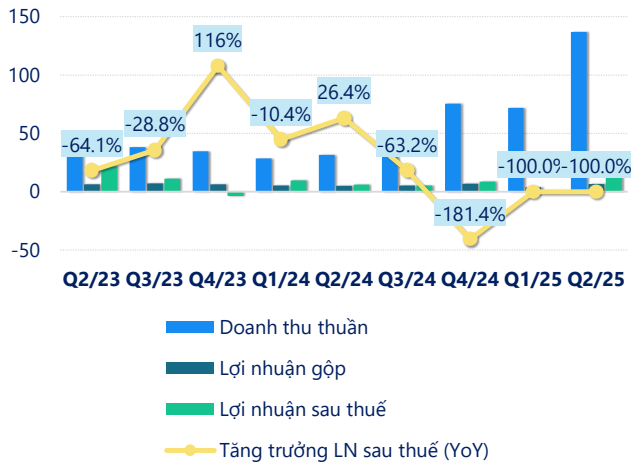
Q2/25

5.0%

+/- YoY: ▲ 0.8%

tỷ VNĐ

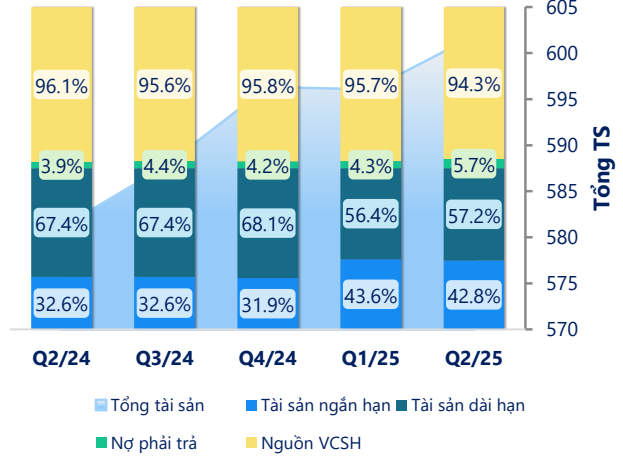
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

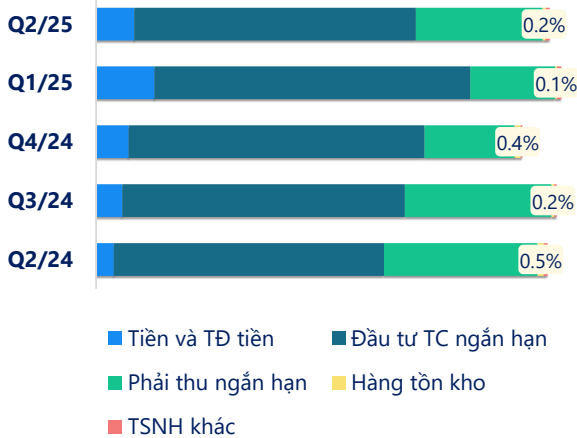
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



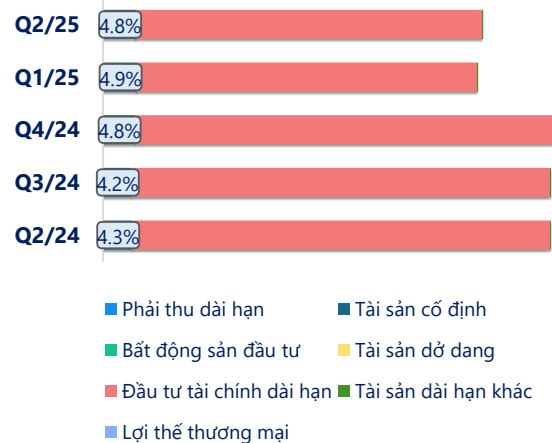
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

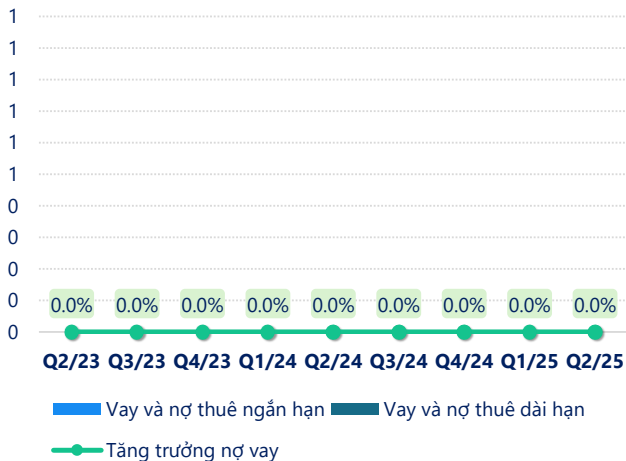
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

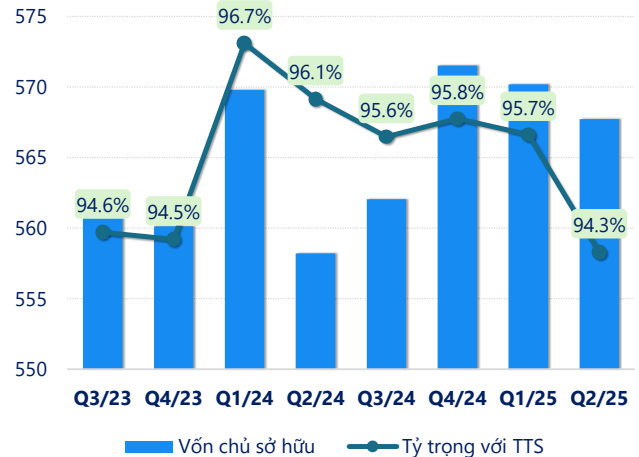
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

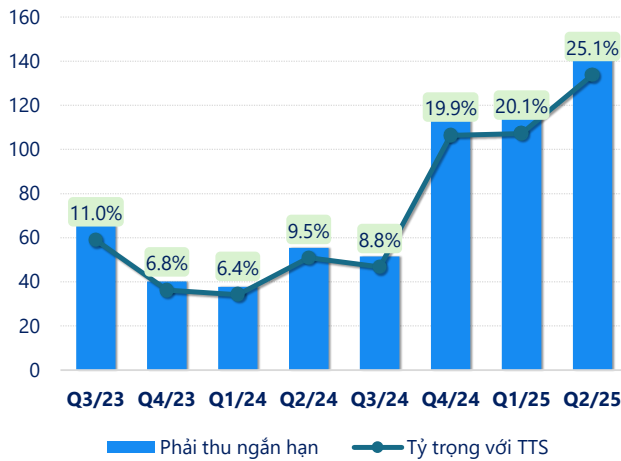
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



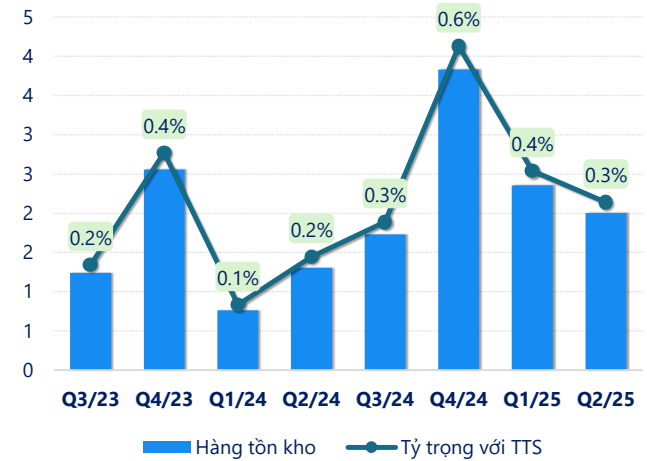
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


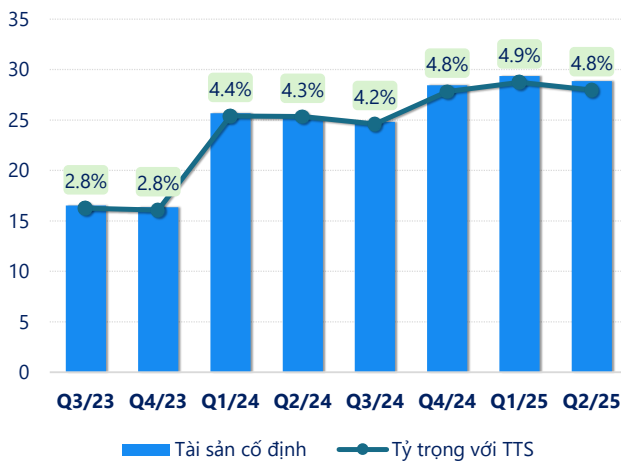
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


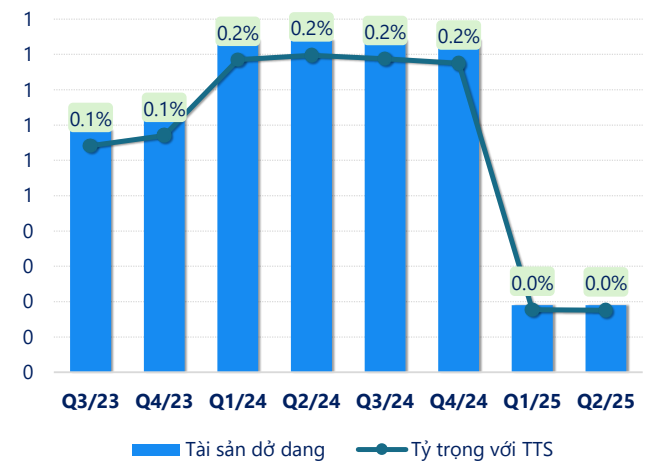
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

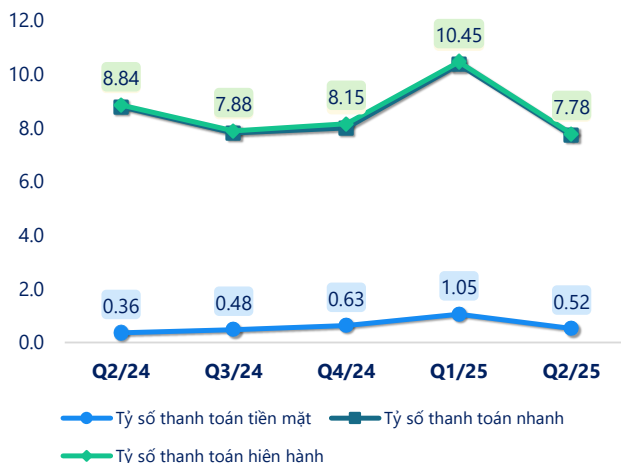
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

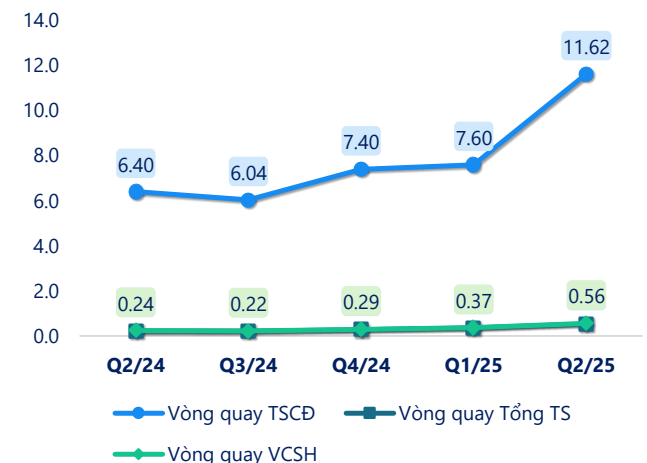
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	581	588	596	596	602
Tài sản ngắn hạn	189	191	190	260	258
Tiền và tương đương tiền	7.71	11.7	14.6	26.2	17.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	123	125	51.0	108	83.1
Phải thu ngắn hạn	55.5	51.5	119	120	151
Hàng tồn kho	1.30	1.73	3.83	2.35	2.00
Tài sản ngắn hạn khác	1.88	1.53	1.82	3.38	4.12
Tài sản dài hạn	392	396	406	336	344
Phải thu dài hạn	0.72	0.72	0.72	1.14	1.14
Tài sản cố định	25.2	24.8	28.4	29.4	28.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.94	0.94	0.94	0.19	0.19
Đầu tư tài chính dài hạn	364	369	375	305	313
Tài sản dài hạn khác	0.84	1.22	1.29	0.93	0.98
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	22.9	25.6	24.8	25.9	34.1
Nợ ngắn hạn	21.4	24.3	23.3	24.9	33.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	9.25	10.8	10.2	8.06	11.0
Nợ dài hạn	1.45	1.36	1.48	1.02	1.02
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	558	562	572	570	568
Vốn chủ sở hữu	558	562	572	570	568
Vốn điều lệ	255	255	255	255	255
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)